

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 18/02/2022
V/v: ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Lước
2. Ông Phan Phi Trung

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận P.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 995/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị T1, sinh năm: 1994 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn C, Xã I, Huyện I, Tỉnh Gia Lai
2. Bị đơn: ông Lê Ngọc T2, sinh năm: 1981 (vắng mặt).
Địa chỉ: Xóm H, Xã N, Huyện Đ, Tỉnh Nghệ An
Cư trú: phường X, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nhận ngày 07/12/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị T1 và ông Lê Ngọc T2 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, và được Ủy ban nhân dân Phường TH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 14/4/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà ở và không có hạnh phúc do ông T2 thường xuyên đi qua đêm, cờ bạc nên vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn và ông T2 bạo hành bà rất nhiều lần. Tháng 3/2000, nhận thấy tình trạng sống chung không ổn nên bà T1 đã ly thân. Tháng 6/2000, ông T2 gặp bà T1 để hàn gắn và hứa sẽ thay đổi nên bà T1 quay về chung sống và tạo cơ hội cho ông T2 sửa đổi để con

có cha mẹ nhưng khi tiếp tục chung sống lại với nhau thì tình trạng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn. Mỗi khi xảy ra mâu thuẫn, ông T2 luôn bạo hành và đánh đập bà T1. Cả hai mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình và mọi mặt trong cuộc sống, về cách nuôi dạy con. Mặc dù vợ chồng đã ngồi lại nói chuyện với nhau, cố gắng tìm mọi cách hòa giải với mong muốn ổn định cuộc sống gia đình nhưng ông T2 không thay đổi cách sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, cả hai không có tiếng nói chung, hay cãi nhau và bất đồng quan điểm sống từ khi mới kết hôn nhưng vì con nên bà cố gắng chịu đựng. Vợ chồng bà cũng đã ly thân nhau từ năm 2000 cho đến nay.

Nay bà T1 xác định không còn tình cảm với ông T2, bà cũng không thể chịu đựng thêm được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T2 để ổn định cuộc sống và nuôi dạy con.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Ngọc N, sinh ngày: 24/11/2017. Bà T1 xin nuôi cháu N. Bà không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T1 tự khai bà và ông T2 không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lê Ngọc T2 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Về quan hệ tranh chấp: bà Trần Thị T1 khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Lê Ngọc T2 theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: ông Lê Ngọc T2 cư trú tại phường X, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án nhân dân quận P đã tiến hành niêm yết công khai hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm bản tự khai, hòa giải-tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử theo quy định của pháp luật đối với ông T2, nhưng ông T2 đều không có mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng

mặt ông T2 theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T1.

[2.1] Căn cứ bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 14/4/2017 do Ủy ban nhân dân Phường TH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thể hiện hôn nhân giữa ông Lê Ngọc T2 và bà Trần Thị T1 là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương, quan tâm chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ nhau, để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng trong cuộc sống vợ chồng, giữa bà T1 ông T2 không có sự quan tâm và không hiểu nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục. Bà T1 cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T2 cờ bạc, thường xuyên đi qua đêm, không có trách nhiệm với vợ con lại hay bạo hành và đánh đập bà, làm ảnh hưởng đến tâm lý của con, cả hai đã không còn hòa hợp, hiểu nhau nên không có tiếng nói chung. Mặc dù bà T1 đã nhiều lần khuyên ngăn ông T2 bớt cờ bạc, bà cũng đã tạo cơ hội cho ông T2 sửa đổi và cố gắng tìm mọi cách hòa giải với mong muốn ổn định cuộc sống gia đình nhưng mâu thuẫn ngày càng sâu sắc hơn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do ông T2 vẫn không thay đổi cách sống, nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2000 đến nay.

Tại phiên tòa, bà T1 xác định vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể chịu đựng thêm sự bạo hành của ông T2 nên khả năng đoàn tụ không có. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích cuộc hôn nhân không đạt được nên việc bà T1 yêu cầu ly hôn với ông T2 để ổn định cuộc sống là chính đáng, có cơ sở nên chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông T2 vẫn vắng mặt không có lý do, cũng như không đưa ra bất kỳ một phản hồi hoặc chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Với tư cách là người chồng cũng là người cha nhưng ông Tú đã không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, bỏ mặc vợ con và có những hành vi bạo lực với bà T1. Qua đó xác định ông Tú đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vì vậy, ông T2 phải chịu hậu quả đối với hành vi của mình.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Lê Ngọc N, sinh ngày: 24/11/2017.

Bà Trần Thị T1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nhân đến đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi ông T2 và bà T1 ly thân đến nay, cháu Nhân sống cùng bà T1 và bà T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu nên cần tiếp tục giao cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhân để đảm bảo cho cháu phát triển tốt về mọi mặt, ổn định về tâm lý và tình cảm.

Ông T2 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, ông T2, bà T1 có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận việc bà T1 tự nguyện không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con
[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà T1 tự khai bà và ông T2 không có tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử theo trình tự sơ thẩm cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị T1 phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T1.

1.1 Về quan hệ vợ chồng: bà Trần Thị T1 được ly hôn với ông Lê Ngọc T2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 14/4/2017 do Ủy ban nhân dân Phường TH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Ngọc T2 và bà Trần Thị T1 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung: có 01 con chung tên Lê Ngọc N, sinh ngày: 24/11/2017.

Giao cho bà Trần Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Nhân đến đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà Thanh không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Ông T2 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, ông T2, bà T1 có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: bà T1 tự khai bà và ông T2 không có tài sản chung và nợ chung.

2. Về án phí: bà Trần Thị T1 phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Bà T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0019561 ngày 17/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận P, nay được cân trừ và bà T1 đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND quận P;
- Chi cục THADS quận P;
- UBND P. TH, Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thụy Bích Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Lược

Phan Phi Trung

Nguyễn Thụy Bích Ngọc

